

**TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---*---

-----***-----

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020.

*V/v tranh chấp: “Ly hôn,
Nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu.
2. Ông Nguyễn Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thái – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố C, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, các thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 77 ngày 29/3/2020 , thông báo số 143 ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** **Bà Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1983 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, thành phố C, tỉnh Bình Thuận.

+ **Bị đơn:** **Ông Lê Trọng T**, sinh năm 1977 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, thành phố C, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2020, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Trọng T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2004 ngày 11/10/2004 của UBND Xã Y, thành phố C, tỉnh Bình Thuận;

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc dù có một số bất đồng nhỏ trong cuộc sống nhưng vợ chồng cố gắng cùng nhau làm ăn, nuôi con. Thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, cách sống và suy nghĩ của hai người không còn hòa hợp. Bà P gánh vác chủ yếu kinh tế trong gia đình nhưng ông T lại ghen tuông vô cớ nhiều lần hăm dọa bà. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng ông T không thay đổi, do vậy tháng 02/2020 bà quyết định khởi kiện ly hôn và thuê nhà trọ sống ly thân với ông T cho đến nay.

Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ông Lê Trọng T.

- *Về con chung*: Vợ chồng ông bà có 02 người con chung là Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 và Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014.

Sau khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014. Bà đồng ý giao con Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 cho Ông Lê Trọng T nuôi dưỡng, sau ly hôn. Ông T và bà, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

****Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải của Tòa án thành phố C cùng ngày 26/02/2020 bị đơn Ông Lê Trọng T trình bày ý kiến như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và Bà Nguyễn Thị Kim P tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống năm 2003 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã Y, thành phố C năm 2004.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gay gắt, thời gian gần đây ông nghi ngờ bà P có quan hệ ngoại tình với người khác, bà P bỏ nhà đi không chịu sống chung với chồng con, nên ông mới có lời lẽ không đúng mực với bà. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với vợ, không muốn con cái chia lìa cha mẹ, ông cũng không làm gì sai nên ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông và Bà Nguyễn Thị Kim P có 02 người con chung là Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 và Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 và đồng ý giao con Lê Kim T2

(nữ), sinh ngày 19/6/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng; ông đề nghị ông và bà , không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chúng tôi không có nợ chung, về tài sản chung chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về án phí*: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.*

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1]Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 02, không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến giải quyết về nội dung vụ án:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim P và Ông Lê Trọng T đã sống ly thân một thời gian do mâu thuẫn bất đồng quan điểm, cho đến nay vợ chồng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân; Ông T trình bày không muốn ly hôn nhưng lại không đến Tòa chứng tỏ ông cũng không muốn hòa giải đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống vợ chồng; Quan hệ vợ chồng của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng điều 51, 53 khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-*Về con chung*: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự về việc giao con chung tên Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, Giao con chung tên Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

- *Về tài sản chung , nợ chung*: các đương sự không yêu cầu đề nghị Tòa không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Theo đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn Ông Lê Trọng T thường trú tại Thôn X, xã Y, thành phố C, tỉnh Bình Thuận. Do vậy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa cho Ông Lê Trọng T; Nhưng bị đơn Ông Lê Trọng T lại tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn theo qui định tại các điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim P và Ông Lê Trọng T là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52, quyển số 01/2004 ngày 11/10/2004 của UBND Xã Y, thành phố C, tỉnh Bình Thuận.

Xét thấy Nguyên đơn và Bị đơn đều xác nhận tình tiết ông bà đã không sống chung như một gia đình từ tháng 02/2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tác động hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn không hòa giải được. Ông T không muốn ly hôn nhưng lại không chịu đến tham dự phiên tòa, chứng tỏ bản thân ông đã xác định không thể hòa giải và đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2] *Về con chung:* Ông Lê Trọng T và Bà Nguyễn Thị Kim P có 02 người con chung là Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 và Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014.

Cả ông và bà đều có nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn như sau: giao con chung Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Xét thấy cả ông và bà đều có nghề nghiệp, có sức khỏe, đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung; Nguyện vọng nuôi con chung của ông bà cũng phù hợp với ý kiến nguyện vọng của con chung Lê Kim T2; Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc trợ cấp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Bà P và ông T không yêu cầu tòa án giải quyết trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn, do vậy Tòa không xét, việc trợ cấp nuôi con chung của ông, bà sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng, khi các đương sự có yêu cầu và làm đơn khởi kiện theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Ông, bà khai không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà Nguyễn Thị Kim P nộp tại biên lai số 0005436 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Khoản 01, khoản 02 Điều 19, Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với Ông Lê Trọng T;

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim P và Ông Lê Trọng T có 02 con chung tên: Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006;

Tuyên buộc Ông Lê Trọng T phải giao con chung tên: Lê Kim T2 (nữ), sinh ngày 19/6/2014 cho Bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tuyên buộc Bà Nguyễn Thị Kim P phải giao con chung tên: Lê Minh T1 (nữ), sinh ngày 14/6/2006 cho Ông Lê Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự chưa yêu cầu nên Tòa chưa xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lê Trọng T đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, sau ly hôn. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Bà P và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung nên Tòa không xét .

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà Nguyễn Thị Kim P nộp tại biên lai số 0005436 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường Đức Long;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân

